CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG

Ngày 31/03/2025	71,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.3%	**9.3%**	**8.5%**

DT thuần
Q1/25
263
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,046| -79.9%
YoY: ▲ 97.0| 58.5%

LN thuần
Q1/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.4| -63.7%
YoY: ▲ 1.40| 12.6%

LN sau thuế
Q1/25
10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.2| -62.7%
YoY: ▲ 2.91| 35.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
38.5%
YoY: +/-▲ 29.5%

ROE (TTM)
Q1/25
12.6%
YoY: +/-▼ 0.1%

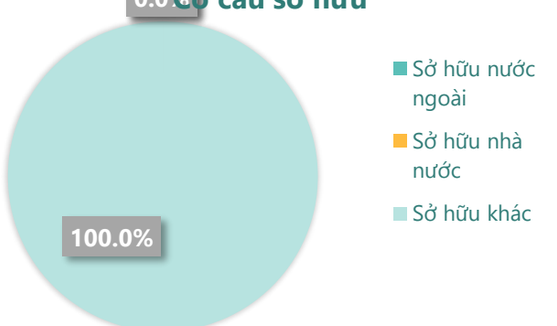
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	64,300 - 81,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,069
Số lượng CPLH (CP)	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,525
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.76
EPS	1,884
P/E	37.9

DT thuần
2024
2,705
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,911| 241%

LN thuần
2024
231
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 202| 704%

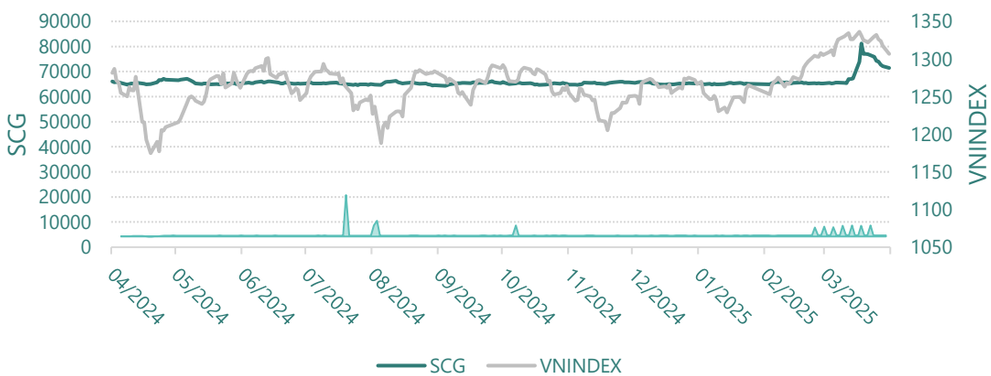
LN sau thuế
2024
198
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 177| 839%

Cơ cấu sở hữu

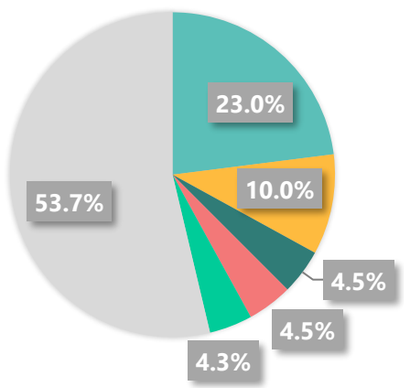


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



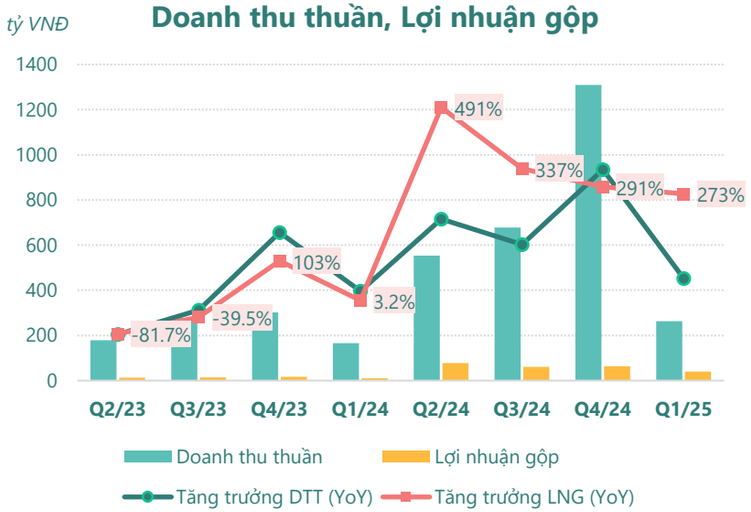
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

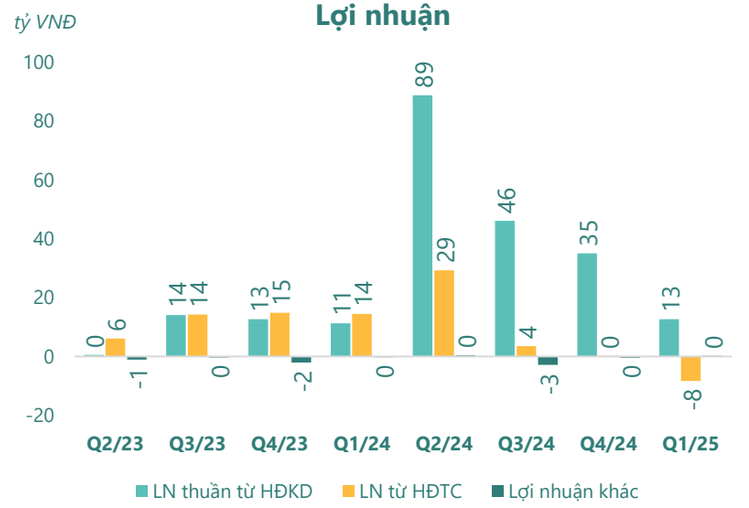
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



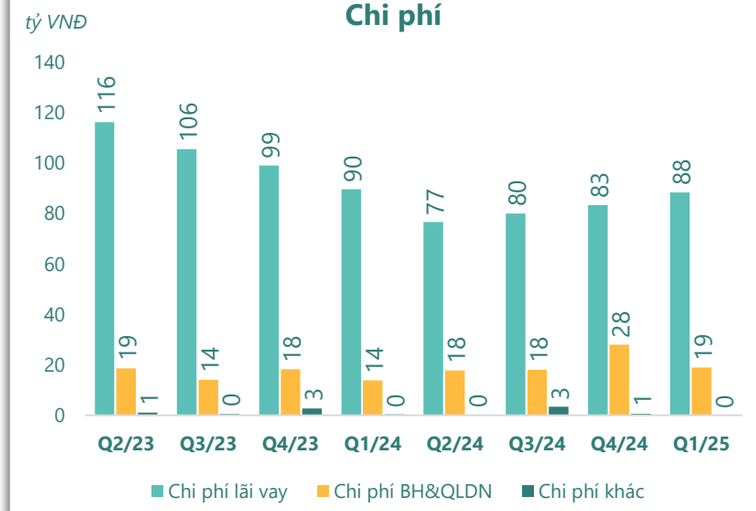
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



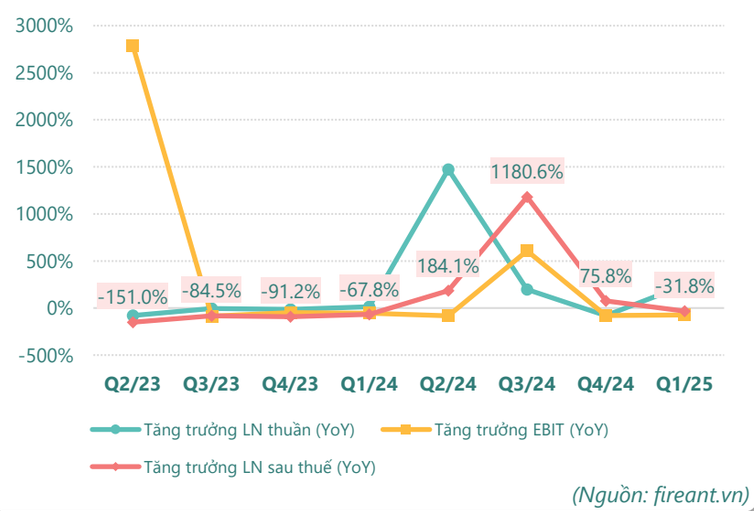
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



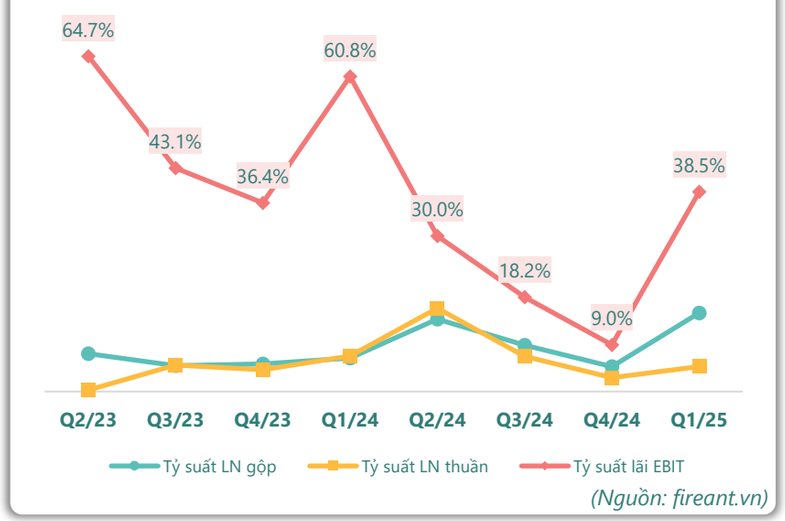
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



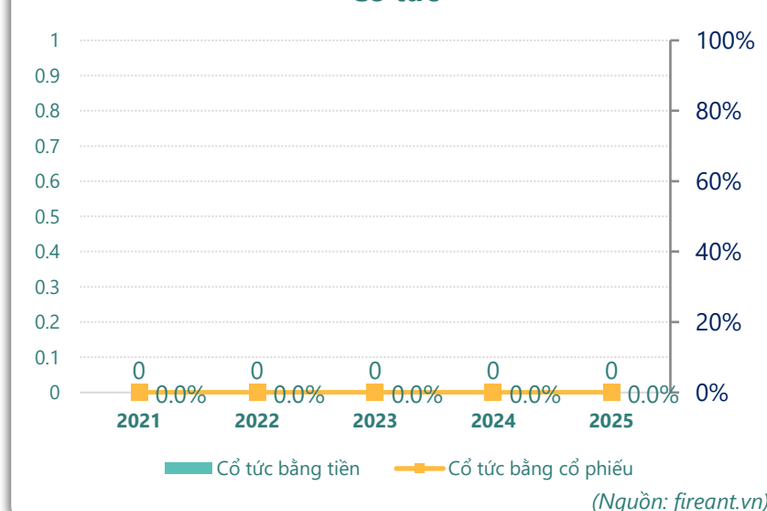
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

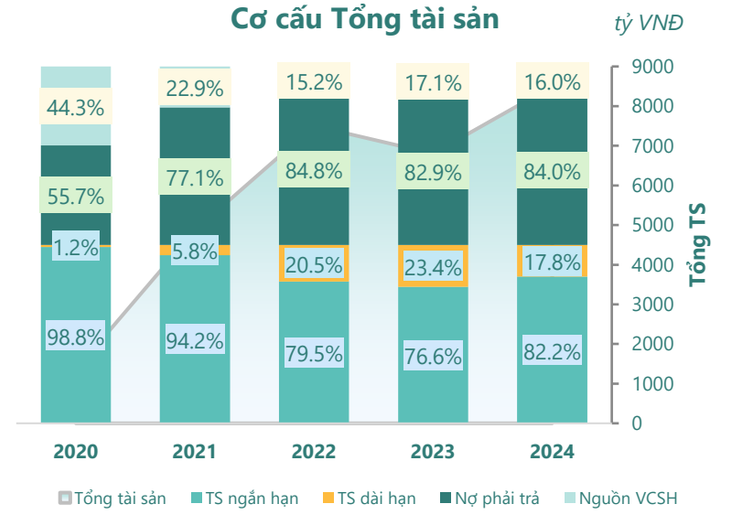
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

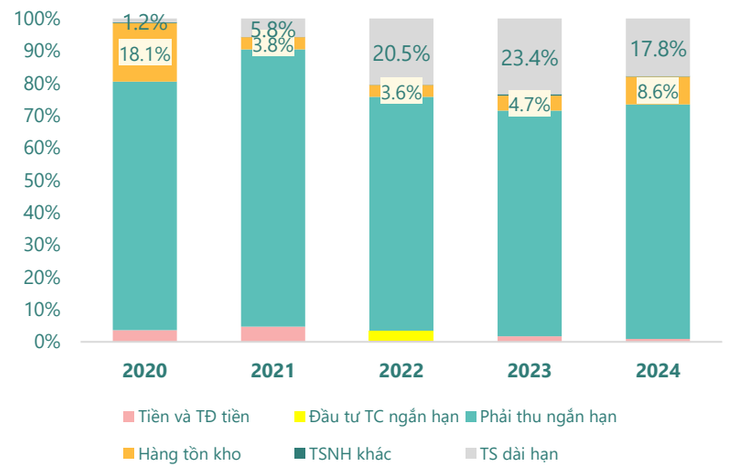
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



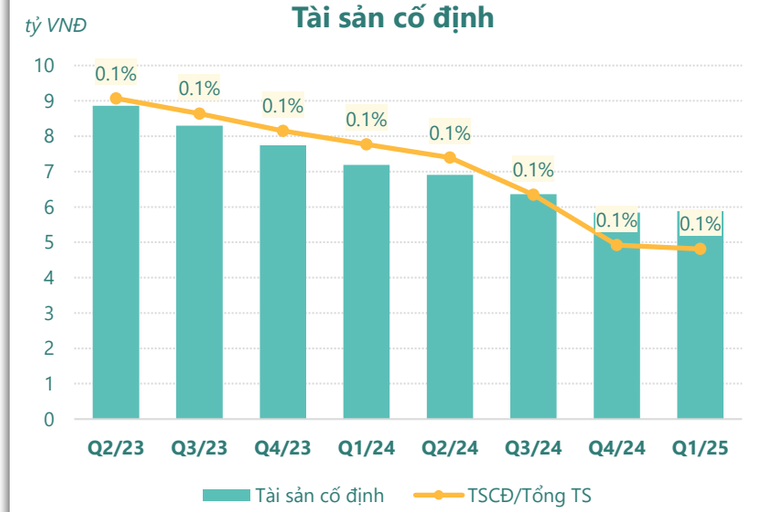
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



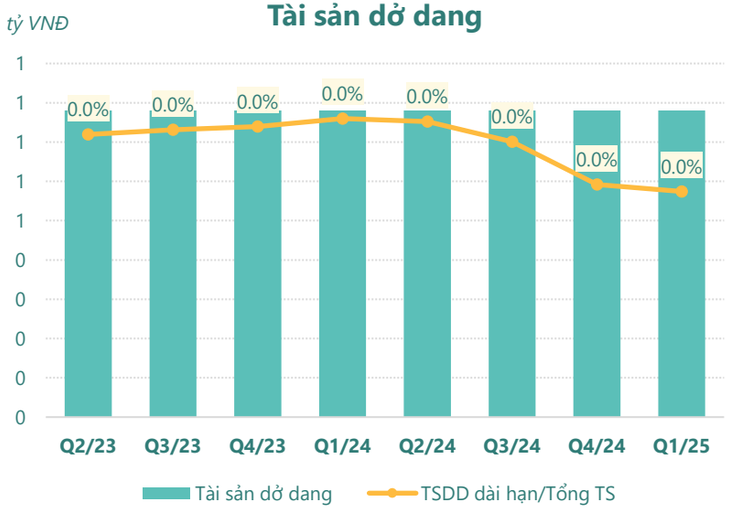
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



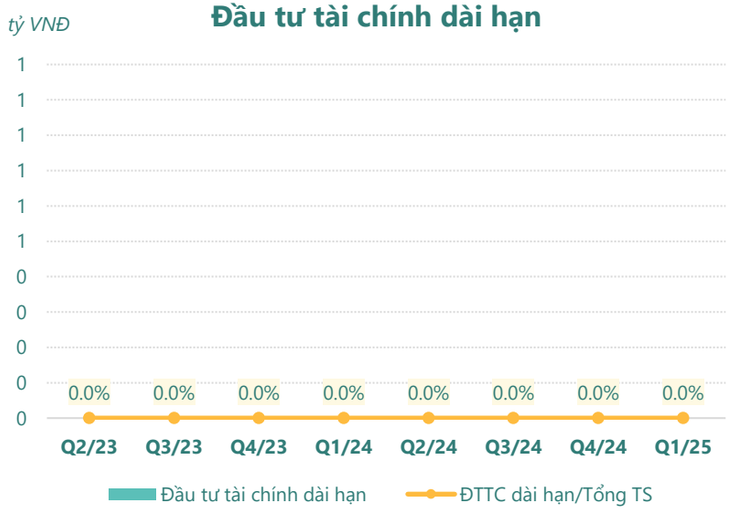
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



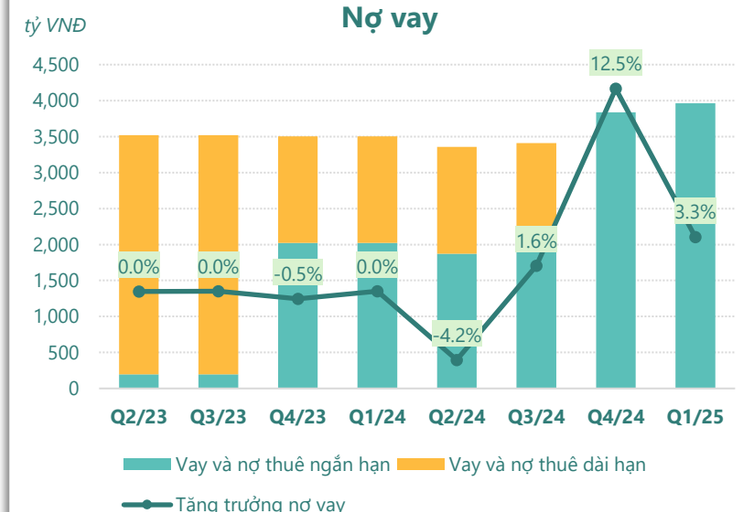
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

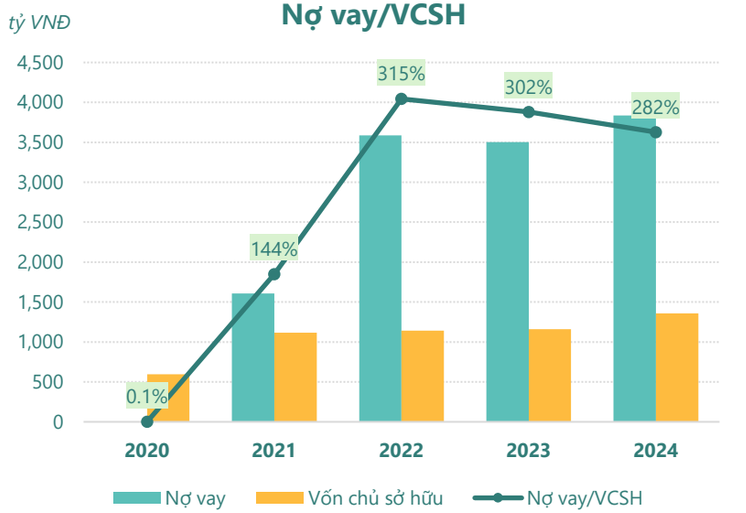
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

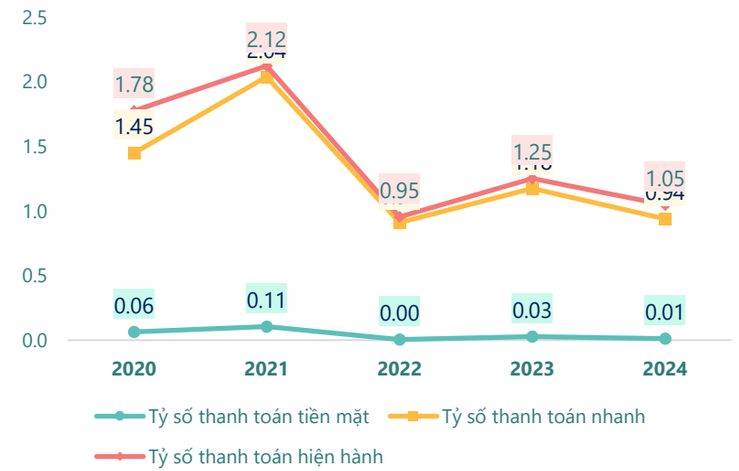
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



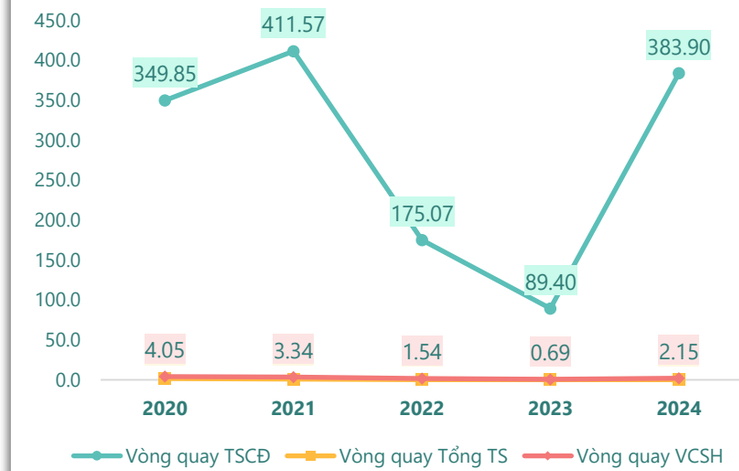
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



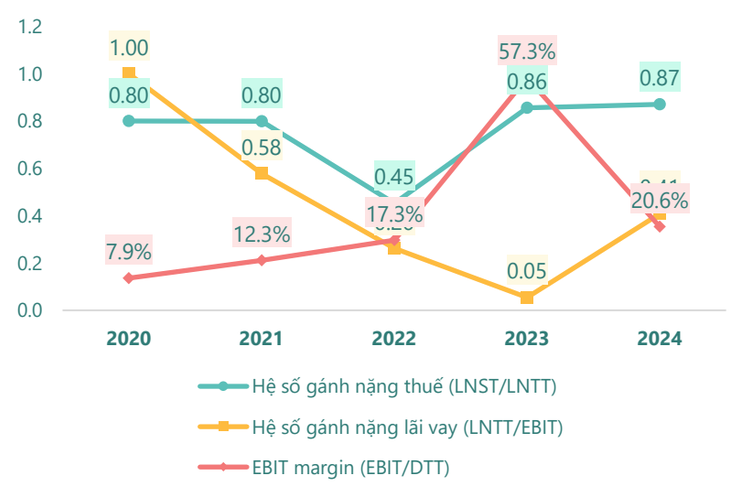
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



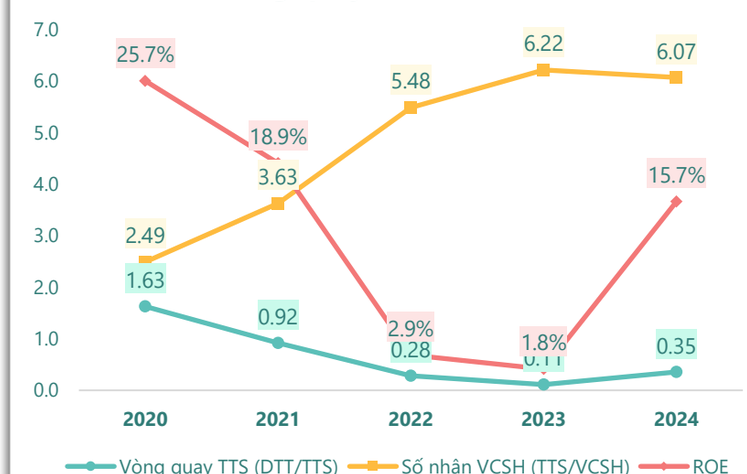
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



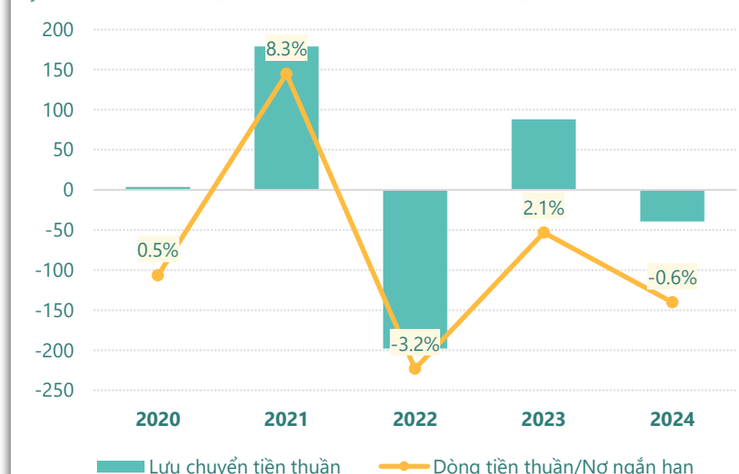
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**263**	**166**	**58.5%**	**2,705**	**794**	**241%**
Giá vốn hàng bán	223	155	44.0%	2,443	741	230%
Lợi nhuận gộp	40.0	10.7	273%	262	53.0	394%
Doanh thu HĐTC	80.9	105	-23.0%	380	477	-20.3%
Chi phí TC	89.2	90.6	-1.6%	333	435	-23.3%
Chi phí lãi vay	88.4	89.8	-1.5%	330	430	-23.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.02	-100%	0.02	0.23	-92.6%
Chi phí QLDN	**18.9**	**13.8**	**37.1%**	**77.8**	**66.6**	**16.8%**
LN thuần từ HĐKD	12.7	11.3	12.6%	231	28.7	704%
Lợi nhuận khác	**0.24**	**-0.25**	**195%**	**-3.11**	**-4.03**	**22.6%**
LN trước thuế	13.0	11.1	16.8%	228	24.7	823%
Lợi nhuận sau thuế	**10.9**	**7.99**	**35.9%**	**198**	**21.1**	**839%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.8**	**8.18**	**31.5%**	**198**	**20.4**	**872%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-370	-321	-42.4	190	-489	-386
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	474	290	185	-268	86.2	328
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.7	0	-149	52.6	426	128
Tiền đầu kỳ	30.1	117	86.1	80.1	54.2	78.1
Lưu chuyển tiền thuần	**87.3**	**-31.2**	**-6.01**	**-26.0**	**23.9**	**69.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	117	86.1	80.1	54.2	78.1	148

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,738**	**8,502**	**2.8%**
Tài sản ngắn hạn	7,227	6,989	3.4%
Tiền và tương đương tiền	148	78.1	89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5,597	6,162	-9.2%
Hàng tồn kho	1,414	731	93.4%
Tài sản ngắn hạn khác	67.4	16.9	300%
Tài sản dài hạn	**1,511**	**1,513**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1,500	1,500	0.0%
Tài sản cố định	5.88	6.35	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.64**	**5.61**	**-17.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,368	7,142	3.2%
Nợ ngắn hạn	**6,895**	**6,669**	**3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,963	3,835	3.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	874	1,067	-18.1%
Nợ dài hạn	473	473	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,370**	**1,360**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,370**	**1,360**	**0.8%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)